

Bản án số: 315/2020/DS-PT

Ngày 25 tháng 8 năm 2020

“V/v tranh chấp thừa kế”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:* Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Võ Văn Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1936/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cụ Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1951 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 116 Bạch Đằng, phường Phú Cường, thành phố T, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Lương Tú A, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 953/2 Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị A<sup>1</sup>, sinh năm 1945 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 14700 143 rd St. Beacon Avenue, Orland CA 95963 USA

*Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị A:* Bà Nguyễn Lương Tú A (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2013 và ngày 25/6/2013) – Vắng mặt.

3.2. Ông Nguyễn Lương Khánh X, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 953/2 Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghia, thành phố T, tỉnh B.

3.3. Bà Nguyễn Lương Quế A<sup>2</sup>, sinh năm 1969 (Chết ngày 12/12/2016);  
*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Lương Quế A<sup>2</sup>:*

3.3.1. Anh Nguyễn Phước H<sup>1</sup>, sinh năm 1990 – Vắng mặt;

3.3.2. Anh Nguyễn Phước S, sinh năm 1992 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 937 (số cũ 42) Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghia, thành phố T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Phước H<sup>1</sup>, Nguyễn Phước S:* Bà Nguyễn Lương Tú A (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2014) – Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Lương Diễm A<sup>3</sup>, sinh năm 1966 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 939 (số cũ 42A) Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghia, thành phố T, tỉnh B.

3.5. Ông Nguyễn Lương Khánh S<sup>1</sup>, sinh năm 1971 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 937 (số cũ 42) Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghia, thành phố T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Lương Khánh S<sup>1</sup>:* Bà Nguyễn Lương Tú A (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2013) – Vắng mặt.

3.6. Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1970 – Vắng mặt;

3.7. Anh Nguyễn Lương Hoàng K, sinh năm 1993 – Vắng mặt;

3.8. Chị Nguyễn Lương Hoàng Y, sinh năm 1999 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 36/8 Lê Chí Dân, Khu 1, phường Tương Bình Hiệp, thành phố T, tỉnh B.

3.9. Ông Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, sinh năm 1929 – Vắng mặt;

3.10. Ông Nguyễn Thiên Đ, sinh năm 1965 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 345 Phạm Ngũ Lão, Tổ 92, Khu phố 7, phường Hiệp Thành, thành phố T, tỉnh B.

3.11. Bà Nguyễn Ngọc M, định cư tại Mỹ, không rõ địa chỉ.

3.12. Ông Huỳnh Thanh L<sup>1</sup>, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

3.13. Anh Huỳnh Minh P, sinh năm 1992 – Vắng mặt;

3.14. Anh Huỳnh Minh T<sup>2</sup>, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

3.15. Chị Huỳnh Thị Trà M<sup>1</sup>, sinh năm 2001 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 953/2 (số cũ 42B) Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghia, thành phố T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thanh L, Huỳnh Minh P, Huỳnh Minh T<sup>2</sup> và Huỳnh Thị Trà M:* Bà Nguyễn Lương Tú A (Các văn bản ủy quyền ngày 20/11/2014, 29/11/2014 và ngày 12/8/2019) – Vắng mặt.

- 3.16. Ông Đinh Ngọc T<sup>3</sup>, sinh năm 1964 – Vắng mặt;  
3.17. Anh Đinh Nguyễn Ngọc T<sup>4</sup>, sinh năm 1984 – Vắng mặt;  
3.18. Anh Đinh Nguyễn Hữu T<sup>5</sup>, sinh năm 1994 – Vắng mặt;  
3.19. Đinh Nguyễn Thanh T<sup>6</sup>, sinh năm 2006 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 939 (số cũ 42A) Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 22, Khu phố 3, phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B.

*Người đại diện hợp pháp của Đinh Ngọc T<sup>3</sup>, Đinh Nguyễn Ngọc T<sup>4</sup>, Đinh Nguyễn Hữu T<sup>5</sup> và Đinh Nguyễn Thanh T<sup>6</sup>: Bà Nguyễn Lương Tú A (Các văn bản ủy quyền ngày 29/11/2014) – Vắng mặt.*

- 3.20. Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972 – Có mặt;  
Trú 116 Bạch Đằng, phường Phú Cường, thành phố T, tỉnh B.

*4. Người kháng cáo, kháng nghị:*

- 4.1. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;  
4.2. Nguyên đơn cụ Nguyễn Ngọc C;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn cụ Nguyễn Ngọc C trình bày:*

Ngày 21/8/2003, cán bộ tư pháp Ủy ban nhân dân phường Chánh Nghĩa công bố Tờ di chúc do mẹ của cụ là cố Nguyễn Thị H (Tên gọi khác: Trần Thị H) lập ngày 13/01/1998 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Phú Cường ngày 21/01/1998 nhưng bị các cháu là Nguyễn Lương Tú A, Nguyễn Lương Khánh X, Nguyễn Lương Khánh S<sup>1</sup>, Nguyễn Lương Diễm A<sup>3</sup>, Nguyễn Lương Quế A<sup>2</sup> gây khó khăn, không cho phân chia thừa kế theo di chúc. Cụ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc, theo đó phần của cụ được chia 3.557 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 5.357 m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 14/12/1998 cho cố Nguyễn Thị H. Cụ Nguyễn Ngọc C không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

*Bị đơn bà Nguyễn Lương Tú A trình bày:* Tờ di chúc do bà nội của bà là cố Nguyễn Thị H lập ngày 13/01/1998 là không hợp pháp vì bà Cao Thị Kim H<sup>2</sup> – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Cường là người có quan hệ huyết thống với cụ C lại chứng thực di chúc nên việc chứng thực không khách quan, không đúng pháp luật; Phiếu khám sức khỏe ngày 14/01/1998 thể hiện tai của cố H không nghe được, không còn minh mẫn; việc chứng thực không mời cụ Nguyễn Văn T<sup>1</sup> và cụ Huỳnh Thị A<sup>1</sup> chứng kiến; vào năm 1994 cố H đã có tờ cho đất (đều có cụ C ký tên) các cháu cất nhà trên đất hương hỏa gồm: Nguyễn Lương Khánh S, Nguyễn Lương Diễm A<sup>3</sup>, Nguyễn Lương Quế A<sup>2</sup> và Nguyễn Lương Tú A mỗi người 60 m<sup>2</sup>. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ C và không đồng ý yêu cầu độc lập của

Nguyễn Thiên Đ, Nguyễn Ngọc L và bà có phản tố yêu cầu hủy Tờ di chúc do cụ Nguyễn Thị H lập ngày 13/01/1998. Bà không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc L trình bày:* Ông là con của cụ C, thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ C và yêu cầu được chia 600 m<sup>2</sup> theo di chúc của cô H, không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và không đồng ý yêu cầu hủy di chúc.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiên Đ trình bày:* Ông là con của cụ Nguyễn Văn T<sup>1</sup>, thống nhất yêu cầu khởi kiện của cụ C và yêu cầu được chia 600 m<sup>2</sup> theo di chúc của cô H, không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và không đồng ý yêu cầu hủy di chúc.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Văn T<sup>1</sup> trình bày:* Cụ không tranh chấp hay khiếu nại gì về vụ án chia thừa kế theo di chúc và xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lương Diễm A<sup>3</sup> trình bày:* Bà Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của cụ C, không đồng ý yêu cầu độc lập của ông L, ông Đ và không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin xét xử vắng mặt bà.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh T và các anh chị Nguyễn Lương Hoàng K, Nguyễn Lương Hoàng Y trình bày:* Đồng ý việc xét xử của Tòa án và xin vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đình Ngọc T<sup>3</sup>, Đình Nguyễn Ngọc T<sup>4</sup>, Đình Nguyễn Hữu T<sup>5</sup>, Huỳnh Thị A<sup>1</sup>, Nguyễn Phước S, Nguyễn Phước H<sup>1</sup>, Nguyễn Lương Khánh S<sup>1</sup>, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Minh P, Huỳnh Minh T<sup>2</sup>, Huỳnh Thị Trà M:* Đã ủy quyền cho bà Nguyễn Lương Tú A.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lương Khánh X:* Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông X không cung cấp ý kiến.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M:* Định cư tại Mỹ nhưng không rõ địa chỉ nên không thu thập được ý kiến.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:*

Căn cứ vào các điều 649, 655, 656, 660, 661, 664 Bộ luật dân sự năm 1995; các điều 646, 652, 653, 657, 658, 661 Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 624, 630, 631, 635, 636, 639, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 157, 165, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 12, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Ngọc C đối với bà Nguyễn Lương Tú A về việc yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 3.557 m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B theo Tờ di chúc ngày 13/01/1998 của cụ

Nguyễn Thị H (Tên gọi khác Trần Thị H) có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Phú Cường ngày 21/01/1998.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Thiên Đ đối với bà Nguyễn Lương Tú A về việc yêu cầu chia thừa kế mỗi người diện tích đất 600 m<sup>2</sup> (rộng 10 m, dài 60 m) tọa lạc tại phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B theo Tờ di chúc ngày 13/01/1998 của cụ Nguyễn Thị H (Tên gọi khác Trần Thị H) có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Phú Cường ngày 21/01/1998.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Lương Tú A, hủy Tờ di chúc ngày 13/01/1998 của cụ Nguyễn Thị H (Tên gọi khác Trần Thị H) có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Phú Cường ngày 21/01/1998.

Các đương sự không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/2019/QĐKNPT-VKS-DS ngày 05/11/2019 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/11/2019, nguyên đơn cụ Nguyễn Ngọc C kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Cụ Nguyễn Ngọc C thống nhất kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận khởi kiện của cụ và chia thừa kế theo di chúc của cố Nguyễn Thị H, không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Cố H chỉ biết viết họ tên, chưa bao giờ cố H viết tay được một trang giấy. Di chúc ngày 13/01/1998 do cụ C thuê người đánh vi tính theo ý nguyện của cố H, có Ủy ban nhân dân Phường chứng thực.

Ông Nguyễn Ngọc L yêu cầu được chia 600 m<sup>2</sup> theo di chúc của cố H, không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và không đồng ý hủy di chúc.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị hợp lệ. Về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Ngọc C và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Ngọc C, chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thiên Đ, chia thừa kế theo di chúc của cố Nguyễn Thị H lập ngày 13/01/1998 và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Lương Tú A yêu cầu hủy di chúc của cố H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của cụ Nguyễn Ngọc C và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn và các đương sự khác vắng mặt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Cố Nguyễn Văn H<sup>2</sup> (chết ngày 05/6/1980) và cố Nguyễn Thị H (Tên khác: Trần Thị H) chết ngày 21/02/2003 có 04 con chung gồm: Nguyễn Ngọc C (nguyên đơn), Nguyễn Ngọc M (đang ở Mỹ, không rõ địa chỉ và không liên lạc được), Nguyễn Văn T<sup>1</sup> và Nguyễn Lương C<sup>1</sup> (chết ngày 06/6/1967, có vợ là Huỳnh Thị A<sup>1</sup> định cư ở Mỹ và 05 con là: Nguyễn Lương Tú A (bị đơn), Nguyễn Lương Khánh X, Nguyễn Lương Diễm A<sup>3</sup>, Nguyễn Lương Khánh S<sup>1</sup> và Nguyễn Lương Quế A<sup>2</sup> (chết ngày 12/12/2016, có 02 con là Nguyễn Phước H<sup>1</sup> và Nguyễn Phước S).

[3] Tại khoản 2 Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “*Nếu di chúc gồm nhiều trang, thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc*” và theo quy định tại Điều 664 Bộ luật dân sự năm 1995 thì: “*Người lập di chúc có thể yêu cầu công chứng viên tới chỗ ở của mình để lập di chúc*”.

Xét Di chúc ngày 13/01/1998 đề tên Nguyễn Thị H (Trần Thị H) được lập bằng chữ vi tính trên 03 tờ giấy A4 kèm theo 01 sơ đồ vị trí đất, có dấu điểm chỉ và ký tên tại vị trí người lập di chúc Nguyễn Thị H (Trần Thị H) trên một trong ba tờ giấy, được Ủy ban nhân dân phường Phú Cường đến tại căn hộ số 117 đường Bạch Đằng, phường Phú Cường xác nhận ngày 21/01/1998. Di chúc nêu trên có nhiều trang nhưng không được đánh số thứ tự và trên mỗi trang không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995 như đã viện dẫn trên; đồng thời Ủy ban nhân dân phường chứng thực di chúc tại chỗ ở của người lập di chúc là không đúng thẩm quyền vì theo quy định tại Điều 664 Bộ luật dân sự năm 1995 thì công chứng viên mới có thẩm quyền công chứng di chúc tại chỗ ở của người lập di chúc.

Mặt khác, các đương sự đều thừa nhận khu đất có diện tích 5.357 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 5.897,5 m<sup>2</sup>, không có sổ thừa, sổ tờ bản đồ) do cố Nguyễn Thị H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 563/94/QSDĐ do Ủy ban nhân dân tỉnh S cấp ngày 14/12/1994 có nguồn gốc của cố Nguyễn Văn H<sup>2</sup> và Nguyễn Thị H,

nhưng cô Nguyễn Thị H lập di chúc định đoạt toàn bộ diện tích đất trên là không đúng quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự năm 1995.

Do vậy, theo quy định tại Điều 655 thì Di chúc ngày 13/01/1998 đề tên Nguyễn Thị H (Trần Thị H) không được coi là di chúc hợp pháp nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Ngọc C và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Cụ Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thiện Đ đã nêu rõ trong trường hợp bị bác yêu cầu chia thừa kế theo di chúc thì không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đồng thời các đương sự khác cũng không có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nên theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì không có căn cứ để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo pháp luật, mà khi có yêu cầu thì các đương sự có quyền khởi kiện để chia thừa kế theo pháp luật trong vụ án khác, khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[5] Cụ Nguyễn Ngọc C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Ngọc C và không chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2.1. Không chấp nhận khởi kiện của cụ Nguyễn Ngọc C và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thiện Đ về việc chia thừa kế theo Di chúc ngày 13/01/1998 đề tên Nguyễn Thị H (Trần Thị H) đối với diện tích 5.357 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 5.897,5 m<sup>2</sup>, không có sổ thừa, sổ tờ bản đồ) tọa lạc tại phường Chánh Nghĩa, thành phố T, tỉnh B.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Lương Tú A. Tuyên bố Di chúc ngày 13/01/1998 đề tên Nguyễn Thị H (Trần Thị H) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Phú Cường ngày 21/01/1998 không được coi là hợp pháp.

2.3. Trong thời hiệu khởi kiện, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cố Nguyễn Văn H<sup>2</sup> và cố Nguyễn Thị H (Tên khác: Trần Thị H).

3. Cụ Nguyễn Ngọc C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá tài sản; về án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**







